

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2011
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN LÂM HÀ.**
(Kèm theo Quyết định số 51/2010/QĐ-UBND
ngày 16/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

I. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ:

Đơn vị tính: nghìn đồng/m².

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
I	<u>Thị Trấn Đình Văn:</u>	
1	Quốc lộ 27	
-	Từ giáp Bình Thạnh đến Cổng xoan	524
-	Từ Cổng Xoan đến ngã ba Gia Thạnh (thửa 91, TBĐ 73)	785
-	Từ ngã ba Gia Thạnh (hết thửa 91, TBĐ 73) đến ngã ba Đoàn Kết (thửa số 201 tờ bản đồ 69)	1.047
-	Từ ngã ba Đoàn Kết (hết thửa 201, TBĐ 69) đến đường vào tổ 4 Văn Tâm (thửa số 367, TBĐ 63)	1.307
-	Từ đường vào tổ 4 Văn Tâm (hết thửa 367, TBĐ 69) đến cầu Cổ Gia (thửa 587, TBĐ 63)	1.563
-	Từ cầu Cổ Gia (hết thửa 587, TBĐ 62) đến ngã ba Bưu Điện Huyện (thửa 331, TBĐ 62)	2.088
-	Từ ngã ba Bưu Điện huyện (hết thửa 331, TBĐ 62) đến ngã tư Quyền Lượng hết đất ông Thăng (thửa 366, TBĐ 61)	2.507
-	Từ hết đất ông Thăng (hết thửa 366, TBĐ 61) đến hết đất bà K' Duyên (thửa 199, TBĐ 61)	2.826
-	Từ hết đất bà K' Duyên (hết thửa 199, TBĐ 61) đến cổng Kiểm Lâm	2.507
-	Từ cổng Kiểm Lâm đến hết đất Hà Khoa (thửa 103, tờ BĐ 59)	2.357
-	Từ hết đất Hà Khoa (thửa 103, TBĐ 59) đến ngã ba (đại lý vật liệu Lâm Hà, thửa số 222, TBĐ 56)	1.563
-	Từ ngã ba (đại lý vật liệu Lâm Hà, hết thửa 222, TBĐ 56) đến giáp xã Đa Đồn.	1.307
2	Tỉnh Lộ 725	
-	Từ ngã ba Sơn Hà đến cổng hết đất ông Trường (thửa số 1077, TBĐ 58)	1.044
-	Từ cổng hết đất ông Trường (thửa số 1077, TBĐ số 58) đến cầu Tân Văn	782
3	Đường Đình Văn - Ba Cánh	
-	Từ ngã ba Quảng Đức đến hết Trường tiểu học Đình Văn V	1.311
-	Từ hết trường TH Đình Văn V tới ngã ba nhà ông Miền (thửa số 12, tờ BĐ 71)	1.049
-	Từ ngã ba nhà ông Miền (hết thửa số 12, tờ BĐ 71) đến hết cổng ông Hữu (thửa số 46, tờ BĐ 76)	794

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
-	Từ hết công ông Hữu (hết thửa số 46, tờ BĐ 76) đến hết đất ông Thành (thửa số 270, tờ BĐ 82)	662
-	Từ hết đất ông Thành (hết thửa số 270, tờ BĐ 82) đến ngã ba chợ Hòa Lạc (giáp thửa 304, TĐĐ 86)	441
-	Từ ngã ba chợ Hòa Lạc (thửa 304, TĐĐ 86) đến cầu Hòa Lạc	331
-	Từ cầu Hòa Lạc đến giáp Đức Trọng	208
4	Đường nội khu Phố Xoan Đa Huỳnh	103
5	Các nhánh của tuyến QL 27	
-	Từ nhà ông Thông kiểm lâm (thửa số 116, TĐĐ số 78) Gia Thạnh đến hết đường	103
-	Từ nhà ông Tâm Gia Thạnh (thửa số 107, TĐĐ số 78) đến hết đường	130
6	Từ ngã ba Gia Thạnh đến hết đường	
-	Từ ngã Gia Thạnh (thửa 90, TĐĐ 73) đến cổng N1-11	209
-	Từ cổng N1-11 đến ngã tư xạc bình (thửa 151, TĐĐ 52)	178
7	Đường từ cơ quan cầu đường đến đường Đình Văn - Ba Cánh	
-	Từ cầu đường - kênh N1-11	156
-	Từ kênh N1-11 đến hết đường (thửa 196, TĐĐ 72)	105
-	Đường từ nhà bà Gléo (thửa số 493, TĐĐ 69) khu phố Cô Gia đến hết đường	104
-	Đường từ nhà ông Hường (thửa số 201, TĐĐ 68) đến hết đường	206
-	Đường từ nhà ông Tú (thửa số 121, TĐĐ 68) đến hết đường	206
-	Đường từ nhà ông Thìn (thửa số 74, TĐĐ 68) đến hết đường	155
-	Đường từ VLXD Mai Toàn (thửa số 556, TĐĐ 63) đến hết đường	155
-	Đường từ Cổ Gia đến hết nhà ông Lộc (thửa 401, TĐĐ 63)	123
-	Đường từ nhà bà Nhuận (bưu điện) thửa 463, TĐĐ 62 đến nhà ông Tấu (thửa 123, TĐĐ 66)	207
-	Đường từ QL 27 đến hết đất nhà ông Hòa (thửa 26, TĐĐ 66)	209
-	Đoạn còn lại (hết thửa 26, TĐĐ 66 đến hết đường)	156
8	Đường vào trụ sở UBND huyện	
-	Từ QL 27 đến ngã ba vào khu phố Se Nhắc	2.076
-	Từ ngã ba vào khu phố Se Nhắc đến ngã ba (Quán Phô tô) thửa số 629,TĐĐ số 61	1.457
-	Đường từ ngã ba khu phố Se Nhắc đến hết đất ông Phạm Mâu (thửa 790, TĐĐ 61)	206
-	Từ hết quán pho to (thửa 629, TĐĐ 61) đến hết đường	259
-	Từ Trụ sở thanh tra Huyện đến hết đất ông Vũ Quang Thành (thửa 62, TĐĐ 66)	259
-	Đường từ đại lý Bình (thửa 130, TĐĐ 61) Bồ Liêng đến hết đường	206
9	Đường từ ngã ba Long Hương (thửa số 324, TĐĐ 59) - sông Đa Dâng	
-	Từ QL 27 đến hết đất bà Xuân (thửa 86, TĐĐ 61)	259
-	Đoạn còn lại (hết thửa 86, TĐĐ 61 đến hết đường)	206

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
-	Đường nội khu phố Cô Gia	103
10	Đường từ nhà ông Quý (QL 27) thửa số 104, TBĐ số 68 vào hết khu phố Riông Se	
	- Từ kênh N1-9- hết đất nhà ông Sỹ (thửa số 304, TBĐ số 21)	156
	- Đoạn còn lại (hết thửa 304, TBĐ 21 đến hết đường)	105
-	Đường từ nhà ông Chiến (thửa số 424 TBĐ số 68) đến đập tràn	206
-	Đường từ nhà bà Phương (thửa số 17, TBĐ số 64) đến hết đường vào đồi độc lập tổ 6 Văn Tâm	156
11	Đường từ QL 27 đi đập tràn	
	- Từ hết đất ông Kim (QL 27) thửa số 83, TBĐ số 63-ngã tư	259
	- Từ ngã tư đến đập tràn	206
-	Đường từ nhà ông Ba cà phê (thửa số 582, TBĐ số 63) đường đi đập tràn (thửa số 02, TBĐ số 63)	206
-	Đường từ nhà ông Niên (thửa số 349, TBĐ số 62) - giáp đất ông Cảnh (thửa số 196, TBĐ số 62)	259
-	Đường từ ngã ba Bưu điện - kênh tiêu	419
-	Đường từ nhà ông Cao Xuân Trường (thửa số 101, TBĐ số 62) đến nhà ông Hòa bên xe	208
-	Đường từ hết bà Việt (thửa số 245, TBĐ số 62)- nương tiêu	419
-	Đường từ VLXD sang (thửa số 150, TBĐ số 62)- nương tiêu	625
-	Đường từ quán Quyền Lượng (thửa số 150, TBĐ số 62) - nương tiêu (phía đông chợ Lâm Hà)	1.450
-	Đường từ Ngân Hàng - nương tiêu	682
-	Đường từ ngã 4 Long Hương (thửa số 266, TBĐ số 59) - ruộng khu phố Bồ Liêng	313
-	Đường từ VLXD Lâm Hà đến hết đường vào xóm ông Du Hành	208
12	Đường từ nhà ông Trác (thửa số 01, TBĐ số 56 (giáp trạm giống) - đến nghĩa trang dân tộc khu phố Bồ Liêng - Se Nhắc	
	- Từ hết đất nhà ông Dui đến cống N1 - 1	209
	- Cống N1-1 đến nghĩa trang dân tộc	105
13	Đường từ ngã bà bệnh viện đi đoàn kết	
-	Từ hết nhà ông Hiện QL 27 đến hết cống N1-9	313
-	Cống N1-9 đến ngã ba ông Tống Văn Dũng (thửa số 400, TBĐ số 27)	209
-	Đoạn còn lại	103
14	Đường đi ngã ba Nam Hà	
-	Từ hết đất nhà ông Lê Văn Bảy, cây số 15 đến nghĩa trang TT Đình Văn	206
-	Đoạn còn lại	103
15	Đường nhánh của Đình Văn - Ba Cánh	
-	Đường từ nhà ông Trần Đình Hạ (thửa số 297, TBĐ số 67) - hết đường	159

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
-	Đường từ trường Đinh Văn V (thửa 154, TBD 67) đến hết đường	159
-	Đường từ nhà ông Đinh Văn Tiến (thửa 331, TBD 67) đến hết đường	159
-	Đường từ nhà ông Nguyễn Quang Việt (thửa 235, TBD 67) đến hết đường	159
-	Đường từ nhà ông Miền (thửa 12, TBD 71) đến hết đường	156
-	Đường từ nhà bà Nguyễn Thị Tuyên (thửa 275, TBD 67) đến hết đường	159
-	Đường từ nhà bà Khuru Thị Hưu (thửa 317, TBD 68) đến hết đường	159
-	Đường từ nhà ông Nguyễn Long (thửa 345, TBD 68) đến hết đường	159
-	Đường từ nhà bà Lê Thị Hậu (thửa 369, TBD 68) đến hết đường	159
-	Đường từ nhà ông Phương (thửa 96, TBD 71) đến hết đường	159
16	Đường từ cổng ông Hữu (thửa số 46, TBD 76) - hết thôn 5	
-	Từ cổng ông Hữu (thửa 46, TBD 76) đến hết đất nhà ông Trương Đông (thửa 407, TBD 20)	206
-	Từ hết nhà ông Trương Đông (hết thửa 407, TBD) đến hết đất nhà ông Tư Sài Gòn (hết thửa 158, TBD 12)	154
-	Từ cổng nhà ông Tư Sài Gòn (hết thửa 158, TBD 12) - đến sông Đa Dâng	103
-	Từ nhà ông Vinh (thửa 118, TBD số 76) đến nhà K Hai (thửa 135, TBD 76) TDP Văn Hà	104
-	Từ nhà ông Diệu (thửa 171, TBD số 83) đến hết đường	104
-	Đường từ nhà ông Đỗ Văn Dũng (thửa 46, TBD 83) - hết đường	104
-	Đường nội khu phố Pót Pe	103
-	Đường từ đất ông Hậu (thửa 83, TBD 63 - cổng N1/10) đến hết đường	155
-	Đường từ quán ông Vinh (thửa 56, TBD 88) đến hết đất ông Lóng (thửa 162, TBD 90)	154
-	Đường nội TDP Hòa Lạc	103
-	Đường từ ngã tư xạc bình đến quán ông Hữu Anh (thửa 303, TBD 86)	154
-	Đường nội khu phố Đa Rô Măng - Bang Pung	103
17	Bổ sung các đường nhánh	
-	Đường từ ngã ba nhà máy nước đến hết đường	165
-	Đường từ ngã ba xưởng cưa ông Huệ đến hết đường.	220
18	Các vị trí còn lại khác	
	Đường có độ rộng thấp nhất từ 3 m trở lên	69
	Đường có độ rộng thấp nhất nhỏ hơn 3 m	58
II	Thị Trấn Nam Ban	
1	Đất dọc đường tỉnh lộ 725 - Đường Điện Biên Phủ	
-	Từ giáp xã Mê Linh đến ngã 3 đi trường tiểu học Từ Liêm	331
-	Từ ngã 3 đường vào Trường tiểu học Từ Liêm đến ngã ba đi THCS Từ Liêm	529

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
-	Từ ngã ba đi trường THCS Từ Liêm đến ngã ba đường đi Đông Thanh II (công nhà văn hóa TDP Đông Thanh II)	794
-	Từ ngã ba đường Đông Anh II (ông Viên) đến Trạm biến thế điện Thị trấn Nam Ban	1.588
-	Từ trạm biến thế điện đến ngã 4 đường đi vào khu Chi Lăng - Thành Công (ngã tư nông trường 4 cũ)	794
-	Từ ngã 4 (nông trường 4 cũ) đến trụ sở UBND TT Nam Ban hiện nay (ngã ba cổng TDP văn hóa Ba Đình)	926
-	Từ ngã ba cổng văn hóa Ba Đình đến Gia Lâm	1.323
2	Đất trực đường liên xã	
-	Ngã ba Đông Từ đến ngã 4 Hùng Vương	154
-	Từ ngã 4 Hùng Vương đến giáp xã Đông Thanh	103
-	Đoạn từ ngã 4 NT4 cũ đến ngã ba đường vào xóm bắc Hà (chi Lăng III)	110
-	Từ ngã ba vào xóm Bắc Hà Chi Lăng đến ngã 3 Chi Lăng II (đi xã Nam Hà và Thác Voi)	95
-	Từ ngã ba Chi Lăng II (đi xã Nam Hà và Thác Voi) đến dốc võng (giáp xã Nam Hà)	94
-	Từ bùng binh đường ĐT 725 đến cổng chùa Linh Ân	397
-	Từ cổng chùa Linh Ân đến đỉnh dốc công an (đường xuống Thác Voi)	159
-	Đường từ ngã ba Nông trường 4 cũ đến cầu Thanh Trì (giáp xã Đông Thanh)	93
3	Đường Liên Thôn khu TDP	
-	Đường từ ngã ba ĐT 725 đến trường tiểu học Từ Liêm	104
-	Từ trường tiểu học Từ Liêm đến hồ Từ Liêm.	66
-	Đường từ ngã 4 Hùng Vương đến cầu Đông Anh 3.	83
-	Đường từ ngã 3 Đông Thanh II (Nhà ông Viên) đến ngã 3 Liên Do (thửa 170 BĐ 22)	124
-	Đường từ ngã ba (cổng nhà văn hóa TDP Đông Anh I xuống sinh 78 Đông Anh 1) đến trường tiểu học Nam Ban II	154
-	Đường từ tiểu học Nam Ban II đến hồ Bãi Công TDP Thành Công	66
-	Đường từ sau chợ Thăng Long cạnh nhà bà Đinh (thửa số 451, TĐĐ số 08) tới ngã ba giáp đất nhà ông Bùi Đức An Đông Anh II	66
-	Đường từ ngã ba đối diện cổng trường tiểu học Nam Ban I đường liên khu Trung Vương - Thăng Long đến cổng vào TDP văn hóa Trung Vương (Phân viện Nam Ban)	103
-	Đường từ ngã 3 Chi Lăng I giáp đường xuống hồ Bãi Công đến Bãi Công - Thành Công.	83
-	Đường từ ngã 4 vào trường mầm non II đến chùa Linh Ân (đường liên khu Ba Đình)	154
-	Đường từ TDP văn hóa Ba Đình vào trường THPT Thăng Long	198

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
-	Đường từ ngã ba công văn hóa TDP Bạch Đằng đến ngã 3 đường liên TDP Bạch Đằng - Thăng Long.	66
-	Đường từ ngã ba xóm Hà Bắc đến giáp xã Mê Linh	83
-	Đường từ ngã ba nhà ông Hữu (thửa số 79, tờ BĐ 19) đến ngã ba đi xóm Hà Bắc (cạnh Nhà trẻ TDP Chi Lăng III)	66
-	Đường từ hồ Bãi Công đến đến giáp xã Mê Linh	66
-	Đường từ ngã ba (sân bóng Chi Lăng II - III) đến ngã ba đường đi Nam Hà.	66
-	Đường từ ngã ba nhà ông Sắc đến ngã ba giáp đất nhà ông An Đông Anh II	66
-	Đường từ ngã ba giáp nhà ông An Đông Anh II đến giáp xã Đông Thanh	66
-	Đường từ ngã ba giáp nhà ông Luân - Hiệp đến hồ Từ Liêm	66
-	Đường từ ngã ba trường THCS Từ Liêm đến ngã ba đi Đông Anh I , hồ Từ Liêm	66
-	Đường từ hồ Từ Liêm đến đường liên TDP Đông Anh I	66
-	Đường từ ngã ba giáp quán sửa xe ông Cấn Đình Dũng đến Trường TH Nam Ban II	104
-	Đường ngã ba giáp nhà ông Hễ (thửa số 137, tờ BĐ 31) đến ngã ba giáp đất nhà ông Tuyển (thửa số 182, TBĐ 31)	66
-	Đường từ ngã ba nhà văn hóa Bạch Đằng đến thửa số 231 TBĐ 33 (Sinh 78 khu Đông Anh I)	66
-	Từ ngã ba đất nhà ông Trần Quang Cải (thửa 01 tờ BĐ 11) đến Hồ Từ Liêm 2	69
-	Từ ngã ba TL 725 nhà Tình - Hải (thửa số 44 tờ BĐ 12) đến ngã ba TL 725 nhà văn hóa Từ Liêm 1	69
-	Từ ngã ba TL 725 nhà văn hóa Từ Liêm 2 đến giáp xã Mê Linh	88
-	Từ cầu Đông Anh 3 đến giáp xã Mê Linh	69
-	Từ ngã ba TL 725 nhà Cúc - Ảnh (thửa số 102 tờ BĐ 25) đến ngã ba trường TH Nam Ban 2	69
-	Từ ngã ba Hồ Văn Bảo (thửa số 166 tờ BĐ 38) đến đỉnh dốc ông Tài (Thửa số 136 tờ BĐ 43)	88
-	Từ ngã ba Tl 725 nhà Trung - Thanh (thửa số 67 tờ BĐ 51) đến ngã ba nhà ông Toàn - Thước (thửa số 311 tờ BĐ 51)	69
-	Từ ngã ba TL 725 giáp trụ sở UBND TT Nam Ban đến giáp xã Gia Lâm (Cầu Treo)	88
-	Từ ngã 4 trường Mầm non 2 đến ngã ba nhà ông Đỗ Văn Lộc (thửa số 3 BĐ 56)	110
-	Từ ngã ba nhà tình nghĩa (thửa số 194 tờ BĐ 41) đến đất nhà ông Nguyễn Xuân Hùng (thửa số 56 tờ BĐ 40)	69
-	Từ ngã ba nhà văn hóa Chi Lăng 1 đến nhà ông Trần Như Nhung (thửa số 459 BĐ 20)	69

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
-	Từ ngã ba đường liên xã nhà bà Thảo (thửa số 01 BĐ 33) đến nhà ông Lược (thửa số 285 BĐ 20)	69
-	ngã ba đường liên xã nhà bà Tuyết Hợi đến Hồ bà Huân	69
-	Từ ngã ba nhà văn hóa Chi Lăng 2 đến ngã 3 Vinh - Dừa (thửa 161 BĐ 31)	69
-	Từ ngã ba nhà ông Tình đến đất nhà ông Bùi Văn Tuấn (thửa 55 BĐ 31)	69
-	Từ ngã ba nhà ông Vũ Văn Vượng (thửa 265 BĐ 16) đến đất nhà ông Nguyễn Văn Trọng (thửa số 31 BĐ 17)	69
-	Từ ngã ba TL 725 nhà ông Lê Thế Bời đến đất nhà ông Lê Phú Tiềm	69
-	Từ ngã ba nhà Liên Do (thửa số 170 BĐ 22) đến ngã 4 Hùng Vương (đi Đông Anh 3 -xã Đông Thanh)	99
-	Từ ngã ba nhà Lê Trung Kiên (thửa số 22 BĐ 22) đến ngã ba nhà ông Cao Xuân Khải (thửa số 6 BĐ 9)	69
-	Đường bê tông khu dân cư sân bóng cũ-khu Đông Anh 2	953
4	Các vị trí còn lại khác	
	Đường có độ rộng thấp nhất từ 3 m trở lên	69
	Đường có độ rộng thấp nhất nhỏ hơn 3 m	58

II. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN:

Đơn vị tính: nghìn đồng/m²

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
I	<u>Xã Tân Văn:</u>	
*	Khu vực I:	
1	Đường TL 275	
-	Từ cầu Tân Văn đến ngã ba trại giống (giáp thửa 923, TBĐ 16)	1.323
-	Từ nhà ông Lễ(thửa 923, TBĐ 16) tới cầu cơ giới	926
-	Từ cầu cơ giới tới giáp ngã ba nghĩa trang xã Tân Văn	397
-	Từ giáp ngã ba nghĩa trang Tân Văn tới trụ sở thôn Tân Thành (thửa số 32, TBĐ 41)	132
Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
-	Từ hết trụ sở thôn Tân Thành tới ngã ba Phúc Tân-Tân Hà	397
-	Từ đầu cầu sắt cũ đến ngã ba khu tập thể giáo viên	1.071
2	Đường Tân Văn - Phúc Thọ	
-	Từ trạm xá xã Tân Văn tới hết ngã ba đi Tân Lin	794
-	Từ hết ngã ba Tân Lin tới hết ngã ba Tân Hòa	397
-	Từ hết ngã ba Tân Hòa tới hết ngã ba Tân Đức	317
-	Từ hết ngã ba Tân Đức tới hết ngã ba Tân Thuận	198
-	Từ hết ngã ba Tân Thuận tới giáp ranh xã Phúc Thọ	119

*	Khu Vực II:	
1	Đường liền kề khu trung tâm trụ sở UBND xã (vòng sau trụ sở UBND xã - khu tập thể giáo viên đến giáp ngã ba giao nhau với TL725)	397
2	Đường từ giáp ngã ba Tân Lin tới cầu máng	159
3	Đường từ ngã ba Trại giống tới cầu khỉ giáp huyện Đức Trọng	
-	Từ giáp ngã ba Trại giống tới hội trường thôn Hà Trung	132
-	Từ hết hội trường thôn Hà Trung tới nhà ông Hoàng Thành Đô (thửa 226,TBĐ32)	106
-	Từ hết nhà ông Hoàng Thành Đô tới cầu khỉ giáp Đức Trọng	80
4	Đường từ ngã ba ông Sự đến hội trường thôn Mỹ Hòa (thửa 332, TBĐ 19)	132
5	Đường thôn Tân An đi Tân Thuận	
-	Từ Cầu Tân An tới hội trường thôn Tân Hòa (thửa số 1351,TBĐ22)	80
-	Từ Hội trường thôn Tân Hòa (hết thửa số 1351,TBĐ 22) tới giáp ngã ba Tân Thuận	78
*	Khu vực III:	
1	Đường không thuộc thôn vùng 3	
-	Các đường xe bốn bánh ra vào được (bề rộng của đoạn nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m)	49
-	Còn lại	40
2	Đường thuộc thôn vùng 3.	
-	Các đường xe bốn bánh ra vào được (bề rộng của đoạn nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m)	39
-	Còn lại	28
II	<u>Xã Tân Hà:</u>	
*	Khu vực I:	
1	Đường TL 275	
-	Từ giáp xã Tân Văn tới giáp ngã ba Phúc Hưng	386
-	Từ ngã ba Phúc Hưng tới giáp ngã ba đi thôn Phúc thọ 1	497
-	Từ ngã ba đi thôn Phúc Thọ 1 tới giáp ngã ba đi xã Phúc Thọ	827
-	Từ ngã ba đi xã Phúc Thọ tới giáp Phân Viện Y tế	1.191
Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
-	Từ Phân viện Y tế tới ngã ba cây xăng ông Bạ (thửa 189,TBĐ 02)	1.720
-	Từ Ngã ba cây xăng ông Bạ (hết thửa 189, TBĐ02) tới hết ngã ba đường lên chùa Hà Lâm	1.985
-	Từ hết ngã ba lên chùa Hà Lâm tới đất ông Nguyễn Văn Tình (thửa số 89,TBĐ 04)	1.588
-	Từ đất ông Tình (hết thửa số 89,TBĐ 04) tới cổng trường cấp 1 Tân Hà	1.191
-	Từ cổng trường cấp 1 Tân Hà (hết thửa số 145 và 156,TBĐ 04) đến cổng trường cấp 2 Tân Hà (thửa 115, 51 TBĐ 07)	882
-	Từ Cổng trường cấp 2 Tân Hà (hết thửa số 115 và 51 TBĐ 07) đến ngã ba đi Đan Phượng (thửa 405 và thửa 548)	551

-	Từ ngã ba đi Đan Phượng (hết thửa 405 và 548) đến giáp xã Liên Hà	386
2	Đường Tân Hà - Hoài Đức - Liên Hà (TL 725 mới)	
-	Từ ngã tư Tân Hà (thửa 35, 82) tới hết ngã ba cổng thôn Tân Đức	1.985
-	Từ hết ngã ba Tân Đức tới hết nhà ông Hùng, ngã ba nhà thờ (hết thửa 203, TBD 05)	1.323
-	Từ ngã ba Nhà thờ (thửa 202) tới cột điện trung thế số 286/128/10	607
-	Từ cột điện trung thế 286/128/10 tới cột điện trung thế số 286/128/51	386
-	Từ cột điện trung thế 286/128/51 tới hết ngã ba Trần Quốc Toàn	497
-	Từ hết ngã ba Trần Quốc Toàn (thửa 24, TBD 27) tới giáp xã Liên Hà	331
3	Đường đi xã Phúc Thọ	
-	Từ giáp TL 725 (thửa 331, TBD02) tới ngã ba Nghĩa trang (thửa số 162, 160, TBD02)	529
-	Từ ngã ba Nghĩa trang tới ngã ba thôn Thạch Thất II (thửa 107, 111, TBD 03)	331
-	Từ ngã ba thôn Thạch Thất II (hết thửa 107, 111, TBD 03) tới giáp xã Phúc Thọ	265
4	Đường đi xã Đan Phượng	
-	Từ giáp TL 725 tới giáp xã Đan Phượng	198
*	Khu vực II:	
1	Đường thôn Liên Trung	
-	Đoạn giáp xã Tân Văn tới thôn Thạch Thất II (thửa 01, TBD06)	66
-	Đoạn giáp xã Tân Văn tới thôn Phúc Hưng (thửa 01, TBD57)	88
-	Đoạn giáp TL 725 tới Đài truyền hình (Thửa 14, TBD 57)	92
-	Đoạn từ Đài truyền hình (hết thửa 14, TBD 57) tới hết thôn Phúc Hưng (thửa 19, TBD 18)	78
-	Đoạn từ TL725 tới hết thôn Phúc Thọ I (thửa 34, TBD09)	132
-	Đoạn từ TL725 vào 300 m - đất ông Trí(thửa 227, TBD02)	166
-	Đoạn từ 300 m (hết thửa 227, TBD 02) tới đường xóm 2	66
-	Đoạn đối diện phân viện Y tế vào 500 m (từ thửa 469 đến thửa 186, TBD09)	276
Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
-	Đoạn từ cây xăng ông Bạ tới đỉnh dốc (từ thửa 189 đến giáp thửa 168, TBD 02)	662
-	Đoạn từ đỉnh dốc (thửa 168, TBD 02) giáp đường đi xã Phúc Thọ (thửa 107, TBD03)	497
-	Đoạn từ đỉnh dốc tới hết nhà ông Nhâm	529
-	Đoạn từ ngã tư Tân Hà tới cổng thôn Thạch Thất I (từ thửa 313 đến hết 454, TBD 04)	882
-	Đoạn từ Phân Viện Y tế đến trường Mầm Non Tân Hà	174
2	Đường thôn Phúc Hưng	
-	Đoạn từ TL725 vào 500 m (từ thửa 468 đến thửa 253, TBD09)	132

-	Đoạn từ 500m(hết thửa 253) đến hết thôn Phúc Hưng	66
3	Đường thôn Phúc Thọ I	
-	Đoạn từ giáp thôn Liên Trung tới phân trường Tiểu học Tân Hà 2 (từ thửa 105 đến hết thửa 409)	66
4	Đường thôn Tân Trung	
-	Đoạn từ TL 725 tới chùa Hà Lâm	529
-	Đoạn từ TL275 (nhà ông Đức-thửa 400, TBD04) vào 200m (thửa 149,TBD10)	265
-	Đoạn từ TL 725(thửa 87,TBD25) tới ngã tư (thửa 61, TBD25)	132
-	Đoạn từ Ngã tư thôn Tân Trung và thôn Tân Đức (thửa 30,60, TBD 25) tới đường đi xã Hoài Đức (thửa 331,46,TBD 04)	166
5	Đường thôn Thạch Thát I	
-	Đoạn từ công văn hóa thôn Thạch Thát I tới giáp thôn Thạch Tân	66
-	Đoạn từ nhà ông Đức vào 200 m đến giáp thôn Thạch Tân	66
6	Đường thôn Tân Đức	
-	Đoạn từ đường đi Hoài Đức đến 300 m (hết nhà ông Lân)- từ thửa 185,TBD 05 đến hết thửa192,TBD25 và thửa 424, TBD 04	497
-	Đoạn từ công văn hóa thôn Tân Đức (thửa 58,TBD28) vào 200 m tới giáp thôn Phúc Thọ 2(thửa 35,TBD28)	166
7	Đường thôn Đan Phượng I	
-	Đoạn từ TL 725 (thửa 360,TBD 25) tới đất ông Thông (thửa 575,TBD 24)	198
-	Đoạn từ hết đất ông Thông (hết thửa 575) đến đường đi xã Đan Phượng	66
-	Đoạn từ TL 725 đến bãi đã thôn Phúc Thọ II (từ thửa 309 đến thửa 01, TBD 24)	66
*	Khu vực III:	
	1. Đường không thuộc thôn vùng 3	
-	Các đường xe bốn bánh ra vào được (bề rộng của đoạn nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m)	49
-	Còn lại	40
Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
	2. Đường thuộc thôn vùng 3.	
-	Các đường xe bốn bánh ra vào được (bề rộng của đoạn nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m)	39
-	Còn lại	28
III	<u>Xã Hoài Đức:</u>	
*	Khu vực I:	
1	Đường Tân Hà- Tân Thanh	
-	Từ ngã ba Nhà thờ (thửa 348, 94, TBD 08) vào 200 m	882
-	Từ 200 m đến hết công nghĩa địa	551
-	Từ hết công nghĩa địa đến đầu đập (gần UBND xã)	331
-	Từ đầu đập đến hết ngã ba thôn 5 (nhà ông Công)	386

-	Từ hết ngã ba thôn 5 đến giáp xã Tân Thanh	221
2	Đường TL 725	
	Từ giáp xã Tân Hà đến hết ngã ba Nhà Thờ (hết các thửa 135,95,96, TBD 08)	1.386
-	Từ ngã ba Nhà thờ (hết thửa 96, TBD 08) tới cột điện trung thế số 286/128/10	604
-	Từ cột điện trung thế 286/128/10 tới cột điện trung thế số 286/128/51	384
-	Từ cột điện trung thế 286/128/51 tới ngã ba Trần Quốc Toàn	491
*	Khu vực II:	
	Đường liên thôn	
-	Từ ngã ba Trần Quốc Toàn đến hết ngã ba nghĩa địa thôn 4	132
-	Từ hết ngã ba nghĩa địa thôn 4 đến đất nhà ông Khoa (thôn Đức Hải)	53
-	Từ hết đất nhà ông Khoa đến hết đất nhà ông Quảng (thôn Đức Hải)	53
-	Từ ngã ba thôn Hải Hà đến đập Đa Sa	53
-	Từ ngã tư cổng UBND xã đến hết ngã tư cổng trường tiểu học Hoài Đức 1	66
-	Từ giáp ngã tư cổng trường tiểu học Hoài Đức 1 đến đường liên xã (nhà cô Thu)	92
-	Từ ngã ba thôn Vinh Quang (nhà ông Chí) đến hết ngã ba Chùa Vạn Thiện	265
-	Từ ngã ba thôn 6 (nhà ông Tùng) đến ngã ba giáp đất ông Chạy	66
-	Ngã ba Đồi dầu đến nhà ông Hòa	66
-	Khu vực III:	
	1. Đường không thuộc thôn vùng 3	
-	Các đường xe bốn bánh ra vào được (bề rộng của đoạn nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m)	49
-	Còn lại	40
	2. Đường thuộc thôn vùng 3.	
-	Các đường xe bốn bánh ra vào được (bề rộng của đoạn nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m)	39
Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
-	Còn lại	28
IV	<u>Xã Tân Thanh:</u>	
*	Khu vực I:	
1	Đường Tân Hà-Tân Thanh	
-	Từ giáp xã Hoài Đức đến ngã ba thôn Đông Thanh (thửa 116, TBD 21)	166
-	Từ ngã ba Đông Thanh đến đất ông Quế (thửa 116, TBD 21)	198
-	Từ đất ông Quế đến cầu UBND xã cũ	221
-	Từ Cầu UBND xã cũ đến chân dốc vát (thửa 103,TBD 31)	198
-	Từ chân dốc vát đến đỉnh dốc vát (thửa 27,TBD 36)	66
*	Khu vực II:	
	Đường liên thôn	

-	Thôn Tân An đi thôn Thanh Hà	66
-	Thôn Thanh Hà đi thôn Thanh Bình	100
-	Thôn Tân An đi thôn Thanh Bình	66
-	Thôn Tân An đi thôn Đoàn Kết	66
-	Thôn Hòa Bình đi thôn Tân An	66
-	Thôn Hòa Bình đi thác Bụi	100
-	Thôn Com Pang đến ngã ba Long Lan	66
-	Từ ngã ba Long Lan đến ngã ba nhà ông Lô	132
-	Thôn Tân Bình đi thôn Tân Hợp	66
*	Khu vực III:	
-	Các đường xe bốn bánh ra vào được (bề rộng của đoạn nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m)	39
-	Còn lại	28
V	<u>Xã Liên Hà:</u>	
*	Khu vực I:	
1	Đường TL 725 (cũ)	
-	Từ giáp xã Tân Hà tới cột 3 thân 500 KV	92
-	Từ cột 3 thân 500KV đến hồ	132
-	Từ Hồ tới trường cấp II	80
2	Đường TL 725 (mới)	
-	Từ giáp xã Tân Hà tới ngã ba thôn Phúc Thọ	159
-	Từ ngã ba thôn Phúc Thọ đến cổng trường cấp II	119
-	Từ cổng trường cấp II đến cổng trường Lán Tranh II	172
-	Từ cổng trường Lán Tranh II đến ngã ba ông Nhâm	132
-	Từ ngã ba ông Nhâm đến đỉnh dốc suối Lạnh	106
Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
*	Khu vực II:	
1	Đường từ ngã ba Trần Quốc Toàn đi đập Đa Sa	
-	Từ ngã ba Trần Quốc Toàn đến hết trường Trần Quốc Toàn	132
-	Từ hết trường Trần Quốc Toàn đến đối diện phân trường Hoài Đức	66
-	Từ đối diện phân trường Hoài Đức đến ngã ba ông Sánh	80
-	Đoạn còn lại	66
2	Đường từ ngã ba Xương cá đi thôn Chiến Thắng	
-	Từ ngã ba Xương cá vào 300 m (thửa 32, 337, TBD 56)	132
-	Từ 300 m (thửa 32,337, TBD 56) đến thôn Liên Kết	78
-	Đoạn còn lại	66
*	Khu vực III:	
-	Các đường xe bốn bánh ra vào được (bề rộng của đoạn nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m)	39

-	Còn lại	28
VI	<u>Xã Phúc Thọ:</u>	
*	Khu vực I:	
1	Đường Tân Hà - Phúc Thọ	
-	Từ giáp xã Tân Hà đến ngã ba Dược Liệu (thửa 542, TBĐ 33)	132
-	Từ ngã ba Dược Liệu (hết thửa 542) đến bờ đập	159
-	Từ bờ đập đến ngã ba đi Hoài Đức (thửa 439, TBĐ 27)	265
-	Từ ngã ba đi Hoài Đức đến ngã ba Nông trường I (thửa 187, TBĐ 59)	198
-	Từ ngã ba Nông trường I đến nhà ông Đắc (thửa 54, TBĐ 55)	132
-	Từ nhà ông Đắc (hết thửa 54) đến nhà ông Sơn (thửa 409, TBĐ 130)	110
-	Từ nhà ông Sơn (hết thửa 409) đến ngã ba Lâm Bô	166
2	Đường Tân Văn - Phúc Thọ	
-	Từ giáp xã Tân Văn tới ngã ba Dược Liệu	119
*	Khu vực II:	
	Đường liên thôn	
-	Từ ngã ba Nông trường I đến thủy điện Sardeung	110
-	Từ ngã ba bà Tắc đến thôn Dạ Pe	66
-	Từ Ngã ba đi Hoài Đức đến giáp xã Hoài Đức	66
*	Khu vực III:	
	1. Đường không thuộc thôn vùng 3	
-	Các đường xe bốn bánh ra vào được (bề rộng của đoạn nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m)	49
-	Còn lại	40
	2. Đường thuộc thôn vùng 3.	
-	Các đường xe bốn bánh ra vào được (bề rộng của đoạn nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m)	39
Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
-	Còn lại	28
VII	<u>Xã Đan Phượng:</u>	
*	Khu vực I:	
-	Từ giáp xã Tân Hà đến hết trường Cấp II	80
-	Từ hết Trường cấp II đến nghĩa địa thôn 2	66
-	Từ Tân Hà đến hết trường Mẫu giáo thôn 3	80
-	Từ trường Mẫu giáo thôn 3 đến ngã ba trường cấp 1	78
-	Từ hết ngã ba trường cấp 1 đến hết đường	66
*	Khu vực II:	
-	Các đường liên thôn xe bốn bánh ra vào được	56
*	Khu vực III:	
-	Các đường xe bốn bánh ra vào được (bề rộng của đoạn nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m)	39
-	Còn lại	28

VIII	<u>Xã Gia Lâm:</u>	
*	Khu vực I:	
1	Đường TL 725	
-	Từ TT Nam Ban đến hết ngã ba đi thôn 5	662
-	Từ giáp ngã ba đi thôn 5 đến cổng văn hóa thôn 4	497
-	Từ hết cổng văn hóa thôn 4 đến trường Mẫu giáo	397
-	Từ hết trường Mẫu giáo đến cổng văn hóa thôn 3	265
-	Từ hết cổng văn hóa thôn 3 đến cầu suối cạn	221
-	Từ cầu suối cạn đến đỉnh dốc đá thôn 1	132
-	Từ đỉnh dốc đá thôn 1 đến hồ thôn 1	110
-	Từ hồ thôn 1 đến giáp Đức trọng	92
2	Đường đi xã Đông Thanh	
-	Từ giáp TL725 đến hết cổng văn hóa thôn 5	132
-	Từ hết cổng văn hóa thôn 5 đến cổng văn hóa thôn 6	110
-	Từ hết cổng văn hóa thôn 6 đến giáp xã Đông Thanh	88
*	Khu vực II:	
1	Khu vực chợ Gia Lâm	
-	Từ trạm Thuế đến đất ông Truyền (thửa 154, TBD 11)	132
-	Từ đất ông Đình (thửa 31, TBD 11) đến đất ông Hiến (thửa 27, TBD 17)	92
-	Từ hết đất ông Hiến (hết thửa 27) đến đất bà Đoan (Thửa 52, TBD 11)	132
-	Từ đất bà Đoan (hết thửa 52) đến ngã tư ông Quý (thửa 39, TBD 11)	159
-	Từ ngã tư ông Quý đến trại tắm tơ An Tuyên	88
-	Từ ngã tư ông Phà (thửa 49, TBD 11) đến đất ông Truyền (thửa 71, TBD 11)	78
Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
-	Ngã ba đi kho xăng KA2 đến ngã ba ông Vượng (thửa 323, TBD 02)	56
2	Đường liên thôn 3, thôn 4 - Gan Thi	
-	Từ ngã tư ông Quỳ (thửa 276, TBD04) đến ngã tư ông Toàn (thửa 321, TBD 03)	53
-	Từ ngã tư đi thôn 5 đến phân trường thôn 2	56
*	Khu vực III:	
1	Đường không thuộc thôn vùng 3	
-	Các đường xe bốn bánh ra vào được (bề rộng của đoạn nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m)	49
-	Còn lại	40
2	Đường thuộc thôn vùng 3.	
-	Các đường xe bốn bánh ra vào được (bề rộng của đoạn nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m)	39
-	Còn lại	28
IX	<u>Xã Mê Linh:</u>	

*	Khu vực I:	
	Đường TL 725	
-	Từ TT Nam Ban đến giáp ngã ba vào xóm trại gà (thôn 2)	92
-	Từ ngã ba vào xóm trại gà (thôn 2) đến trường tiểu học Mê Linh	132
-	Từ hết trường Tiểu học Mê Linh đến ngã ba đi bãi đa thôn 3	198
-	Từ hết ngã ba vào xóm trại gà (thôn 2) đến giáp ngã ba đi đồi Tùng	172
-	Từ ngã ba đi đồi Tùng đến cầu Cam Ly	212
-	Khu vực II:	
-	Từ ngã ba Từ Liêm đến nhà ông Sơn Quyền (thửa số 41, TBD11)	132
-	Từ nhà ông Sơn Quyền (hết thửa 41) đến hết thôn 8 (giáp xã Nam Hà)	78
-	Từ Ngã ba đi đồi Tùng đến thôn Hang Hót, Buôn Chuối	92
-	Đường Thôn 2 đi thôn 3	
-	Từ nhà ông Liên (thửa 350, TBD 02) đến nhà ông Trần Ao (thửa 187, TBD 05)	88
*	Khu vực III:	
	1. Đường không thuộc thôn vùng 3	
-	Các đường xe bốn bánh ra vào được (bề rộng của đoạn nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m)	49
-	Còn lại	40
	2. Đường thuộc thôn vùng 3.	
-	Các đường xe bốn bánh ra vào được (bề rộng của đoạn nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m)	39
-	Còn lại	28
Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
X	<u>Xã Nam Hà:</u>	
*	Khu vực I:	
1	Đường Nam Ban - Phi Tô	
-	Từ giáp TT Nam Ban đến giáp ngã ba đi thôn Hoàn Kiếm I	88
-	Từ ngã ba đi thôn Hoàn Kiếm I đến giáp ngã ba Hoàn kiếm II	110
-	Từ ngã ba Hoàn Kiếm II đến giáp ngã ba đối diện trụ sở UBND xã	132
-	Từ ngã ba đối diện trụ sở UBND xã đến bưu điện văn hóa xã	166
-	Từ hết Bưu điện văn hóa xã đến cổng trường Cấp I Nam Hà	110
-	Từ hết cổng trường cấp I Nam Hà đến giáp xã Phi Tô	88
2	Đường Nam Hà - Đình Văn	
-	Từ ngã ba bà Tôn (thửa 80, TBD 17) đến hết đất ông Bình (thửa 30, TBD 17)	110
-	Từ đất ông Bình (hết thửa 30) đến giáp TT Đình Văn	88
*	Khu vực II:	
-	Từ ngã ba Hoàn Kiếm 2, 3 đến hết thửa 123, 12, TBD 27	88
-	Đường liên thôn Hoàn Kiếm 2 (từ thửa 118,TBD 21 đến hết thửa 47,	78

	TBĐ 23)	
-	Từ thửa 136, TBĐ 27 đến thửa 186, TBĐ 27	88
-	Từ hết thửa 186, TBĐ 27 đến thửa 02, TBĐ 24	78
-	Đường thôn Hai Bà Trưng	78
-	Đường thôn Hoàn Kiếm I-Sóc Sơn (thửa 124, TBĐ 16 đến hết thửa 47, TBĐ 17)	78
-	Đường từ ngã ba ông Thành đến ngã ba ông Ngời (Thửa 24, TBĐ 23 đến thửa 02, TBĐ 24)	78
*	Khu vực III:	
-	1. Đường không thuộc thôn vùng 3	
-	Các đường xe bốn bánh ra vào được (bề rộng của đoạn nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m)	49
-	Còn lại	40
-	2. Đường thuộc thôn vùng 3.	
-	Các đường xe bốn bánh ra vào được (bề rộng của đoạn nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m)	39
-	Còn lại	28
XI	<u>Xã Đông Thanh:</u>	
*	Khu vực I:	
1	Đường Gia Lâm - Đông Thanh	
-	Từ giáp xã Gia Lâm đến ngã ba Thanh Trì	132
-	Từ ngã ba Thanh Trì đến ngã Tư Tầm Xá	198
Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
-	Từ ngã tư Tầm Xá đến cầu sắt Tiền Lâm	132
-	Từ cầu sắt Tiền Lâm đến giáp TT Nam Ban	198
*	Khu vực II:	
1	Đường Trung Hà-Đông Hà	
-	Từ giáp đường liên xã đến hội trường thôn Đông Anh	66
2	Đường thôn Tầm Xá	
-	Từ ngã tư Tầm Xá đến ngã tư ông Hải (thửa 226, TBĐ 04)	66
-	Từ ngã tư ông Hải đến ngã ba Bốt điện Tầm Xá	66
-	Từ Bốt điện Tầm Xá đến ngã ba ông Chiến (giáp đường liên xã)	66
3	Từ ngã ba Thanh Trì đến ngã tư ông Luyến (thửa 156, TBĐ 07)	66
4	Từ Ngã tư bốt điện Thanh Trì đến ngã ba bà Hưu (thửa 369, TBĐ 09)	66
5	Từ cổng văn hóa thôn Thanh Hà đến cầu treo đi Nam Ban	66
6	Từ ngã ba giáp Gia Lâm và Thanh Trì đến ngã ba ông Tĩnh (thửa 101, TBĐ 08)	66
7	Từ ngã ba ông Mùi đến ngã ba ông Nam	66
8	Từ ngã ba ông Quảng Bình đến ngã ba ông Vaqun Bình	66
9	Từ ngã ba Tầm Xá đến ngã ba ông Kiên	66

10	Từ ngã ba Tổng đội đến giáp Nam Ban	66
*	Khu vực III:	
	1. Đường không thuộc thôn vùng 3	
-	Các đường xe bốn bánh ra vào được (bề rộng của đoạn nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m)	49
-	Còn lại	40
	2. Đường thuộc thôn vùng 3.	
-	Các đường xe bốn bánh ra vào được (bề rộng của đoạn nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m)	39
-	Còn lại	28
XII	<u>Xã Phi Tô:</u>	
*	Khu vực I:	
	Đường Nam Ban- Phi Tô	
-	Từ giáp Đạ Đờn đến cầu suối cạn	66
-	Từ cầu suối cạn đến cống giữa thôn 1 và thôn 2	100
-	Từ cống giữa thôn 1 và thôn 2 đến ngã ba đôi sim	144
-	Từ ngã ba đôi sim đến cầu thôn 4	100
-	Từ cầu thôn 4 đến giáp xã Nam Hà	66
*	Khu vực II:	
-	Đường cấp phối thôn 5 (từ thửa 579 đến thửa 53, TBĐ 04)	56
Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
-	Đường thôn 1,2,6 từ thửa 222, TBĐ 02 đến thửa 561, TBĐ 03	56
-	Đường thôn 3 từ thửa 71 đến thửa 15 và 38, TBĐ 07	56
-	Phần đường cấp phối còn lại của 03 đường trên	56
-	Đường thôn 2, Từ thửa 701, 242 đến thửa 251, TBĐ 04	56
-	Khu vực 3:	
-	Các đường xe bốn bánh ra vào được (bề rộng đoạn nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m)	39
-	Còn lại	28
XIII	<u>Xã Đạ Đờn:</u>	
*	Khu vực I:	
1	Quốc lộ 27	
-	Từ giáp Đình Văn đến lò gạch ông Vân (thửa 644, TBĐ 35)	926
-	Từ lò gạch ông Vân (hết thửa 644) đến cầu Đam Pao	529
-	Từ cầu Đam Pao đến cống thủy lợi qua đường- Trụ sở UBND xã	397
-	Từ cống thủy lợi - trụ sở UBND xã đến cống An Phước	331
-	Từ cống An Phước đến cống đầu thôn Tân Tiến (thửa 480, TBĐ 17)	309
-	Từ cống đầu thôn Tân Tiến đến cống hợp thủy lợi	353
-	Từ cống hợp thủy lợi đến ngã ba RLom	407

-	Từ ngã ba RLom đến cầu Dạ Đồn	331
2	Đường Dạ Đồn - Phi Tô	
-	Từ ngã ba RLom đến chân dốc RLom (thửa 112, TBĐ 11)	397
-	Từ chân dốc RLom (hết thửa 112) đến nhà ông Lộc (thửa 19, TBĐ 05)	198
-	Từ nhà ông Lộc (hết thửa 19) đến nhà ông Lai (thửa 176, TBĐ 05)	132
-	Từ nhà ông Lai (hết thửa 176) đến chân dốc Phi Tô	110
*	Khu vực II:	
-	Từ QL 27 đi xóm Bến Tre	66
-	Từ Chùa An Phước đi xóm Đaknang	80
-	Từ cổng thôn Tân Lâm đến cổng thủy lợi (đường vào trường DTNT)	106
-	Từ QL 27 đi thôn 2 Đa Nung A	106
-	Từ QL 27 đi thôn Đam Pao	132
-	Từ dốc Phi Tô đi thôn Dạ Ty	110
-	Từ QL 27 đến hết trường Mẫu Giáo (thửa 601, TBĐ27)	110
-	Từ QL 27 đến hết nhà ông Dũng (thửa 652, TBĐ 35)	110
-	Từ nhà Minh Định đến nhà ông Ứng (thửa 531, TBĐ12)	88
-	Từ QL 27 đến nghĩa địa thôn Tân Lâm	110
-	Từ Mương thủy lợi đến sân bóng thôn Yên Thành	100
Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
-	Từ sân bóng thôn Yên Thành đến hết khu dân cư	78
-	Từ sau nhà ông Thắng đến giáp đất của Trại Giồng (từ hết thửa 752, tờ bản đồ số 35 đến hết thửa 689, tờ bản đồ số 35)	161
*	Khu vực III:	
	1. Đường không thuộc thôn vùng 3	
-	Các đường xe bốn bánh ra vào được (bề rộng của đoạn nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m)	49
-	Còn lại	40
	2. Đường thuộc thôn vùng 3.	
-	Các đường xe bốn bánh ra vào được (bề rộng của đoạn nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m)	39
-	Còn lại	28
XIV	<u>Xã Phú Sơn:</u>	
*	Khu vực I:	
	Quốc lộ 27	
-	Từ cầu Dạ Đồn đến bưu điện Phú Sơn	331
-	Từ bưu điện Phú Sơn đến ngã ba vào trường Cấp I Phú Sơn	397
-	Từ ngã ba vào trường cấp I đến xưởng chè Gái Ngộ (thửa 45, TBĐ24)	198
-	Từ xưởng chè Gái Ngộ đến ngã ba vào Rteng	238
-	Từ ngã ba Rteng đến nghĩa địa Lạc Sơn	159

-	Từ Nghĩa địa Lạc Sơn đến địa phận Đam Rông	106
*	Khu vực II:	
1	Đường Núi đôi đi thôn Quyết Thắng	132
-	Từ QL27 đến cầu Rteng	66
-	Từ cầu Rteng đến hết thôn Rteng 1, 2	92
2	Đường từ Bưu điện đến công ty Trần Vũ	92
3	Đường từ chợ Ngọc Sơn vào thôn Ngọc Sơn 1	132
4	Từ QL27 vào xưởng che Ngọc Phú	92
5	Từ cổng nhà bà Nho đến xóm xinh thôn Ngọc Sơn 3	92
*	Khu vực III:	
	1. Đường không thuộc thôn vùng 3	
-	Các đường xe bốn bánh ra vào được (bề rộng của đoạn nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m)	49
-	Còn lại	40
	2. Đường thuộc thôn vùng 3.	
-	Các đường xe bốn bánh ra vào được (bề rộng của đoạn nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m)	39
-	Còn lại	28

III. ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP (không phải là đất ở):

1. Đối với đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp: Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất tôn giáo, tín ngưỡng (bao gồm đất dòng họ); đất xây dựng nhà bảo tàng, nhà bảo tồn, nhà trưng bày tác phẩm nghệ thuật, cơ sở sáng tác văn hoá nghệ thuật: Bằng 100% giá đất cùng đường phố (đoạn đường), cùng vị trí, cùng khu vực hoặc giá đất ở tại vùng lân cận gần nhất.

2. Đối với đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: Bằng 60% giá đất ở cùng đường phố (đoạn đường), cùng vị trí, cùng khu vực hoặc giá đất ở tại vùng lân cận gần nhất.

3. Đối với đất sử dụng vào mục đích công cộng theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 6 Nghị định số 181/2004/NĐ – CP và các loại đất cho các công trình xây dựng khác của tư nhân không nhằm mục đích kinh doanh và không gắn liền với đất ở; đất làm nhà nghỉ, lán, trại chăn nuôi động vật được pháp luật cho phép; đất xây dựng trạm, trại nghiên cứu thí nghiệm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản: đất xây dựng nhà kho, nhà của hộ gia đình, cá nhân để chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ sản xuất nông nghiệp: Bằng 51% giá đất cùng đường phố (đoạn đường), cùng vị trí, cùng khu vực hoặc giá đất ở tại vùng lân cận gần nhất.

4. Đối với đất làm nghĩa trang, nghĩa địa: Bằng 30% giá đất cùng đường phố (đoạn đường), cùng vị trí, cùng khu vực hoặc giá đất tại vùng lân cận gần nhất.

IV. ĐẤT NÔNG NGHIỆP:

1. Đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản:

Được xác định theo 3 khu vực và 3 vị trí như sau:

- **Khu vực I:** Thuộc địa bàn thị trấn Đinh Văn và Nam Ban

- **Khu vực II:** Thuộc địa bàn các xã Gia Lâm, Đông Thanh, Mê Linh, Nam Hà, Tân Văn, Đa Đông, Phú Sơn, Tân Hà, Hoài Đức, Phúc Thọ (Trừ các thôn vùng 3 của các xã).

- **Khu vực III:** Thuộc địa bàn các xã Phi Tô, Đan Phượng, Liên Hà, Tân Thanh và các thôn vùng 3 của các xã.

- **Vị trí 1:** Là những vị trí mà khoảng cách gần nhất từ lô đất đến mép lộ giới của quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện và đường liên xã trong phạm vi 500 mét.

- **Vị trí 2:** là những vị trí mà khoảng cách gần nhất từ lô đất đến mép lộ giới của quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện và đường liên xã trong phạm vi trên 500 mét đến 1000 mét.

- **Vị trí 3:** Các vị trí còn lại.

Khoảng cách để xác định vị trí lô đất được xác định theo đường đi, lối đi vào đến lô đất,

a) Đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản:

Đơn vị tính: nghìn đồng/m²

Số T T	Khu vực	Đơn giá		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Khu vực I	25	20	13
2	Khu vực II	20	16	11
3	Khu vực III	13	11	7

b) Đất trồng cây lâu năm:

Đơn vị tính: nghìn đồng/m²

Số T T	Khu vực	Đơn giá		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Khu vực I	32	25	16
2	Khu vực II	25	20	13
3	Khu vực III	16	13	9

2. Giá đất trong các trường hợp sau được quy định bằng 1,5 lần mức giá đất trồng cây lâu năm ở vị trí 1 cùng vùng, cùng khu vực:

- Đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở, đất ở nhưng không được xác định là đất ở thuộc địa bàn các xã;

- Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư nông thôn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư nông thôn chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư.

3. Giá đất trong các trường hợp sau được quy định bằng 02 lần mức giá đất trồng cây lâu năm ở vị trí 1 cùng vùng, cùng khu vực:

- Đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở, đất ở nhưng không được xác định là đất ở thuộc địa bàn thị trấn;

- Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư thị trấn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư thị trấn chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư.

4. Đất rừng sản xuất:

Đơn vị tính: nghìn đồng/m²

Số TT	Khu vực, vị trí	Đơn giá
1	Vị trí 1: Là những diện tích đất có mặt tiếp giáp với đường quốc lộ, tỉnh lộ.	11
2	Vị trí 2: Là những diện tích đất có mặt tiếp giáp với đường liên huyện, liên xã.	9
3	Vị trí 3: Là những diện tích đất còn lại.	6

5. Đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng và đất rừng cảnh quan:

a) Đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng: Tính bằng 90% giá đất rừng sản xuất cùng vị trí, cùng khu vực.

b) Đất rừng cảnh quan: Tính bằng 110% giá đất rừng sản xuất cùng vị trí, cùng khu vực.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Huỳnh Đức Hòa